

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/HSPT

Ngày: 29-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Vĩnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2024/HSPT ngày 29/7/2024 đối với bị cáo Phạm Thị Lệ T1. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2024/HSST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị Lệ T1, sinh ngày 12/5/1958, tại T, Vĩnh Long; Nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M (chết) và bà Trần Thị H (chết); chồng Nguyễn Quốc B, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 03/01/2024 bị cáo đang có hoạt động mua bán số lô, số đề tại khu vực quầy bán nước giải khát tại nhà thi bị Đ, Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật: 04 (Bốn) tờ giấy được đánh số thứ tự từ (1) đến (4) có ghi nhiều con số trên từng tờ và có chữ ký ghi họ tên Phạm Thị Lệ T1. Trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận thực hiện hành vi bán số đề từ ngày 03/01/2024 đến khi bị bắt. Hàng ngày bị cáo bán số đề trực tiếp tại quán nước giải khát của mình những người mua số đề nói con số, số tiền và đài cần mua thì bị cáo sẽ ghi con số, số tiền và đài cần mua vào một tấm giấy nhỏ (gọi là phôi đề) đưa cho người mua. Bị cáo trực tiếp tính tiền thắng thua và chung chi với những người mua số đề của bị cáo sau khi có kết quả xổ số.

Ngày 03/01/2024 bị cáo bán số đề cho nhiều người số tiền là 6.981.000đ, những người mua số đề của bị cáo vào ngày 03/01/2024 đã trả tiền cho bị cáo xong, những người mua số đề của bị cáo ngày 03/01/2024 gồm: Ông Võ Văn T2 mua số bao lô đài Cần Thơ con số 48 với số tiền là $5.000đ \times 18 = 90.000đ$ nhưng thực tế bị cáo chỉ nhận tiền của ông T2 là 70.000đ, số tiền còn lại là 20.000đ bị cáo chiết khấu cho ông T2. Như vậy, số tiền ông T2 dùng vào việc đánh bạc với bị cáo T1 là 90.000đ.

Đối với ông Võ Thành H1 mua số bao lô 02 đài là đài Cần Thơ và đài S con số 47 với số tiền là $20.000đ \times 02 \text{ đài} \times 18 \text{ lô} = 720.000đ$ nhưng thực tế bị cáo chỉ nhận tiền của H1 là 560.000đ, còn lại là 160.000đ bị cáo chiết khấu cho H1. Như vậy, số tiền ông H1 dùng vào việc đánh bạc với bị cáo là 720.000đ.

Ông Lý Thanh T3 đưa cho B1 số tiền 420.000đ để nhờ Bạch bao lô 03 đài là đài Cần Thơ, đài Sóc Trăng và đài Đ1 con số 27 với số tiền 10.000đ mỗi đài thì B1 đồng ý và đi đến gặp trực tiếp bị cáo để mua số lô, số đề giùm T3. Cụ thể, B1 mua số bao lô 03 đài là đài Cần Thơ, đài Sóc Trăng và đài Đ1 con số 27 với số tiền $10.000đ \times 03 \text{ đài} \times 18 \text{ lô} = 540.000đ$ nhưng thực tế T1 chỉ nhận tiền của B1 là 420.000đ, còn lại là 120.000đ Tuyệt chiết khấu cho B1. Như vậy, số tiền B1 dùng vào việc đánh bạc với bị cáo là 540.000đ.

Ngoài 03 người chơi số lô, số đề nêu trên, bị cáo còn bán cho 32 người chơi số lô, số đề không rõ lai lịch với số tiền 5.631.000đ.

Như vậy, số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 6.981.000đ (Sáu triệu chín

trăm tám mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra bị cáo còn khai nhận, trước ngày 03/01/2024 (khoảng 15 ngày liên tục tính đến ngày 03/01/2024) có bán số đề cho nhiều người nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể, con số, số tiền, những người đã mua và số tiền thu lợi bất chính cụ thể.

Ngày 12/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo đối với Phạm Thị Lệ T1, về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Đối với ông Võ Văn T2, Võ Thành H1 và ông Huỳnh Thanh B2 có tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền nhưng tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc dưới 5.000.000đ và chưa có tiền án tiền sự nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”.

Trong quá trình điều tra bị báo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- *Việc thu giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:*

+ 04 tờ giấy được đánh số thứ tự từ (1) đến (4) có ghi nhiều con số trên từng tờ và có chữ ký ghi họ tên bị cáo được lưu vào hồ sơ vụ án.

+ 02 cây viết pic (01 cây mực xanh, 01 cây mực đỏ); 01 mắt kính gọng kính màu đen trông kính màu trắng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi 10C có số IMEI thẻ sim 1: 864763065072140 và số tiền 3.076.000 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Tại bản án sơ thẩm số: 27/2024/HSST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Lệ T1 phạm tội “đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Lệ T1 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị Phạm Thị Lệ T1.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/6/2024, bị cáo Phạm Thị Lệ T1 có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo đã hối hận với hành vi mà bị cáo gây ra, bị cáo đã lớn tuổi, sức khỏe yếu, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo hoặc xử phạt tiền là hình phạt chính.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, hậu quả mà bị cáo đã gây ra; giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền dùng vào việc phạm tội, bị cáo có người thân tham gia cách mạng được nhà nước khen thưởng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm về hình phạt.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Lệ T1 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin cho bị cáo giảm hình phạt và xin được phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Lệ T1 đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin được phạt tiền là hình phạt chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận: vào ngày 03/01/2024 bị cáo có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức bán số đề, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.981.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập và thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, cấp sơ thẩm xử bị cáo Phạm Thị Lệ T1 phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng chỉ vì động cơ vụ lợi để có thu nhập bất chính, bị cáo đã xem thường pháp luật. Bị cáo có hành vi bán số đề cho nhiều người mua; do đó, cần mức án tương xứng với hành vi phạm tội.

Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền dùng vào việc phạm tội theo quyết định của bản án sơ thẩm, cho thấy bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có người thân tham gia cách mạng được nhà nước tặng thưởng bằng khen, giấy khen; bị cáo là người có nhân thân tốt, thể hiện chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, tuổi cao và bản thân có nhiều bệnh, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, số tiền phạm tội không lớn và nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính theo đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Vì vậy, xét kháng cáo của bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Lời đề nghị của kiểm sát viên là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Số tiền mà bị cáo đã nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Lệ T1. Sửa Bản án sơ thẩm số: 27/2024/HSST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Lệ T1 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)** về tội “Đánh bạc”.

2. Số tiền bị cáo nộp 3.905.000 đồng (Ba triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005075 ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thị Lệ T1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HTO: 02;
- CQTHADS HTO: 01;
- CQTHAHS HTO: 01;
- Trại giam: 01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã H: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm